

Giải pháp phát triển chuỗi giá trị trái cây Việt Nam

NGUYỄN ĐỨC LỘC*
 NGUYỄN TRUNG KIÊN**
 ĐỖ MẠNH HÙNG***
 TRẦN THỊ ỨT LINH****

Việt Nam có bộ giống cây ăn quả khá đồ sộ, nhiều loại cây ăn quả chủ lực đã hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh theo hướng hàng hóa. Tuy nhiên, hướng phát triển vẫn chủ yếu theo chiều rộng hơn là chiều sâu, cụ thể là tăng diện tích và thực hiện các kỹ thuật rải vụ. Trong khi đó, chuỗi giá trị trái cây như không thay đổi. Việc áp dụng các bộ tiêu chuẩn thực hành tốt (GAP) và chế biến sản phẩm còn rất thấp (chỉ chiếm khoảng 5% sản lượng), trái cây hầu như vẫn tiêu thụ theo kênh truyền thống... Điều này ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành, cần những biện pháp kịp thời để thúc đẩy chuỗi giá trị.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ TRÁI CÂY VIỆT NAM

Về sản xuất

Theo Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong giai đoạn 1996-2016, diện tích cây ăn quả tăng bình quân 4,12%/năm. Năm 2016, diện tích trái cây đạt 863,2 nghìn hecta, sản lượng đạt 9,2 triệu tấn. Ngành trồng trọt đã xác định được 10 loại trái cây chủ lực (diện tích >20 nghìn hecta), chiếm 86% tổng sản lượng trái cây cả nước. Trong đó, chuối có diện tích lớn nhất (138 nghìn hecta, 16% tổng diện tích); tiếp theo là xoài, nhãn, cam, vải, bưởi (50-85 nghìn hecta mỗi loại), thanh long, dưa, sầu riêng, chanh, chôm chôm (25-45 nghìn hecta mỗi loại)...

Tuy nhiên, trên 90% số hộ sản xuất rau quả có quy mô dưới 0,5ha. Hơn nữa, phương thức thu hoạch trái cây còn thô sơ; người dân chỉ xác định được thời điểm thu hoạch theo giá thị trường, đôi khi không quan tâm đến chất lượng (thu hoạch quá non, hoặc quá già). Cho đến nay, vùng chuyên canh cây ăn trái được chứng nhận các tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP chưa nhiều. Điều này dẫn đến đa số trái cây trong nước chỉ bán được cho các thương lái. Sau khi tuyển chọn từ nhiều vườn khác nhau mới có thể cung ứng cho doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Số còn lại, thì cung ứng cho thị trường nội địa.

Mặt khác, khâu sản xuất đang có hiện tượng tăng trưởng nóng, thường xuyên xảy ra tình trạng dư nguồn cung, gây bất ổn thị trường và ảnh hưởng bất lợi cho người sản xuất. Nguyên nhân là do người dân chưa được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng về kỹ thuật sản xuất, thiếu thông tin

về xu hướng thị trường và thiếu những liên kết bền vững giữa sản xuất và tiêu thụ.

Về chế biến, bảo quản

Hiện nay, cả nước có hơn 145 cơ sở chế biến rau, quả quy mô công nghiệp, với tổng công suất thiết kế trên 800.000 tấn sản phẩm/năm (Nguyễn Hiền, 2018). Tuy nhiên, lượng trái cây đưa vào chế biến chỉ khoảng 5%, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực, như: Thái Lan, Philippines, Malaysia... Đa số các nhà máy chế biến hiện có quy mô vừa và nhỏ, chưa có vùng nguyên liệu, việc liên kết giữa sản xuất, bảo quản và chế biến còn nhiều hạn chế. Khả năng đầu tư, đổi mới công nghệ chế biến còn chậm, sản phẩm chế biến chất lượng chưa cao, khó đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng, đặc biệt là các thị trường khắt khe, như: Nhật Bản, EU, Mỹ...

Bảo quản là khâu quan trọng trong chuỗi cung ứng, song hiện nay phần lớn việc bảo quản trái cây sau thu hoạch ở Việt Nam còn lạc hậu, chủ yếu bằng biện pháp thủ công. Một số công nghệ bảo quản tiên tiến, như: công nghệ chiếu xạ, công nghệ CAS, công nghệ bao gói khí điều biến (MAP), công nghệ bảo quản bằng chế phẩm tạo màng phủ... mới chỉ được thực hiện lẻ tẻ tại một số địa phương. Ngoài ra, vấn đề sử dụng các hóa chất

* TS., ** TS., *** ThS., **** ThS., Trung tâm Chính sách và Chiến lược Nông nghiệp Nông thôn miền Nam
 Email: loc.nguyen@scap.gov.vn

bảo quản cũng chưa được kiểm soát chặt chẽ, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, làm giảm uy tín của trái cây Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước (Lê Thị Hồng Ngọc, 2018).

Về tiêu thụ

Theo báo cáo của Cục Trồng trọt (2017), trái cây Việt Nam hiện chủ yếu được tiêu thụ ở dạng quả tươi và tiêu thụ nội địa là chính (80% tổng sản lượng). Đối với hoạt động xuất khẩu, theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trong những năm gần đây, kim ngạch xuất khẩu rau quả nước ta liên tục tăng: từ 306 triệu USD năm 2007 lên mốc kỷ lục 3,5 tỷ USD năm 2017, bình quân mỗi năm tăng 27,2% trong giai đoạn 2007-2017. Rau quả đã vượt qua cà phê, lúa gạo và cao su để trở thành ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Hiện rau quả của Việt Nam đã có mặt trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhiều thị trường khó tính trong tiêu thụ các mặt hàng trái cây đã đồng ý nhập khẩu các loại mặt hàng trái cây chủ lực của Việt Nam, như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, New Zealand. Đặc biệt, việc xuất khẩu lô vú sữa Việt Nam đầu tiên sang thị trường Mỹ vào cuối năm 2017 đã chứng minh rằng, nhà sản xuất trái cây trong nước đã hiểu và dần đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng nước ngoài.

Mặc dù vậy, xuất khẩu rau quả nói chung và xuất khẩu trái cây nói riêng của Việt Nam còn phụ thuộc nhiều vào một loại sản phẩm (giá trị xuất khẩu thanh long đạt xấp xỉ 1 tỷ USD) và một thị trường (thị trường Trung Quốc chiếm 76% giá trị xuất khẩu trái cây Việt Nam, 95% thanh long nhập khẩu của Trung Quốc là thanh long Việt Nam). Hơn nữa, giá trị nhập khẩu rau quả cũng khá cao (1.251 triệu USD), mặc dù nhiều loại trong nước cũng có thể sản xuất được. Nguyên nhân là do thu nhập của người dân được cải thiện, dẫn đến hình thành thói quen tiêu dùng sản phẩm “ngoại” và tâm lý lo sợ sản phẩm trong nước không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm dẫn đến xu hướng hàng nhập khẩu tăng.

Về phân phối, vận chuyển

Hiện nay, phần lớn sản phẩm trái cây tiêu thụ trong nước được phân phối qua các chợ truyền thống. Thương lái vẫn là tác nhân có nhiều “quyền lực” nhất trong chuỗi. Rất ít doanh nghiệp chủ động tìm đến nông dân liên kết để bao tiêu. Nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống lưu thông, phân phối (logistics, chợ đầu mối, đóng

gói, vận chuyển, bảo quản) chưa được quan tâm đầu tư. Hệ thống giao thông kết nối cũng chưa hoàn chỉnh, một số vùng sản xuất rau quả chỉ lưu thông được bằng phương tiện vận chuyển là ghe xuồng, hoặc xe máy. Các chợ đầu mối ở vùng sản xuất vẫn chỉ là điểm tập kết để vận chuyển, chưa đóng vai trò là địa điểm đóng gói, lưu trữ và bảo quản cũng như điều phối sản xuất lưu thông trong vùng. Tỷ lệ hao hụt trong chuỗi giá trị trái cây vào khoảng 30% (Cục Trồng trọt, 2017).

GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Để thúc đẩy sản xuất trái cây theo chuỗi giá trị, cần thực hiện hiệu quả một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xác định rõ các tiêu chí về quy hoạch vùng sản xuất trái cây tập trung có quy mô lớn, điều kiện cần thiết để mở rộng sản xuất, hình thành nền sản xuất hàng hóa nông sản. Tiếp tục hỗ trợ người dân thực hiện sản xuất sạch theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác thực hiện liên kết ngang chặt chẽ và hiệu quả. Đồng thời, áp dụng các phương pháp hiện đại trong quy hoạch sử dụng đất, trong đó phải chú trọng đến các vấn đề về quy hoạch không gian và đặc biệt có sự tham gia của người dân địa phương, phản ánh nguyện vọng và nhu cầu thực tiễn ở địa phương, hạn chế sự điều chỉnh, sửa đổi nhiều lần. Cập nhật thường xuyên và có những cảnh báo “tức thời” đối với các đối tượng nếu vùng sản xuất vượt ra khỏi quy hoạch.

Để chuỗi giá trị trái cây vận hành đồng bộ và hiệu quả, thì cơ sở vật chất hạ tầng (điện, đê bao, đường giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc) phải hoàn chỉnh. Do đó, quy hoạch vùng nguyên liệu phải tính đến các phương án tích hợp các quy hoạch của ngành khác, đồng thời vận dụng các giải pháp huy động vốn (kể cả hình thức PPP) để phát triển các vùng nguyên liệu chuẩn chỉnh, đảm bảo người dân sản xuất và cả chuỗi cung ứng vận hành hiệu quả. Việc kết nối đồng bộ quy hoạch sản xuất nông nghiệp với quy hoạch giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất hạ tầng khác sẽ tạo ra những hệ thống logistics phù hợp, giảm tổn thất sau thu hoạch và chi phí vận chuyển cho các tác nhân.

Thứ hai, đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ hợp tác xã trong việc sử dụng hệ thống thông tin quản lý vùng để chủ động lên kế hoạch sản xuất, dự báo sản lượng và thời điểm thu hoạch, từ đó chủ động các phương án xúc tiến thương mại, bán hàng. Song song với đó, cần đào tạo và tư vấn cho nông dân kiến thức về GAP, kết hợp các chương trình khuyến nông - khuyến ngư vào hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất cho các mô hình tham gia liên kết chuỗi. Bên cạnh đó, nâng cao kiến thức cho nông dân, thương lái về các kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản nông sản theo kỹ thuật tiên tiến, mang lại chất lượng cao và giá trị gia tăng cho nông sản.

Thứ ba, hỗ trợ tiếp cận tín dụng phục vụ liên kết chuỗi. Hỗ trợ cho hợp tác xã /doanh nghiệp vay vốn ưu đãi để đầu tư nhà xưởng, thiết bị, công nghệ tiên tiến trong chế biến sản phẩm nông nghiệp, tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm; đầu tư quảng bá sản phẩm, xúc tiến

thị trường để tăng cường tiêu thụ và thúc đẩy xuất khẩu nông sản địa phương.

Đồng thời, Chính phủ cần chỉ đạo triển khai mạnh mẽ chính sách bảo hiểm trong sản xuất nông nghiệp để giúp doanh nghiệp và nông dân yên tâm trong việc đẩy mạnh sản xuất và thực hiện tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng; nghiên cứu phát triển các hình thức mua bán hiện đại, như: thị trường giao dịch, quyền mua, quyền bán... đối với một số loại trái cây nhằm giúp cho doanh nghiệp có điều kiện để chống rủi ro, biến động giá cả.

Thứ tư, về xúc tiến thương mại, cần tiếp tục tổ chức các lễ hội/hội chợ ngành hàng đối với những loại trái cây có thời gian thu hoạch ngắn, sản lượng thu hoạch cao nhằm giải quyết bài toán về tiêu thụ sản phẩm. Dựa vào sản lượng dự kiến sẽ thu hoạch tại vùng, ngay trước vụ thu hoạch, lãnh đạo địa phương nên phối hợp với hiệp hội ngành hàng mời các doanh nghiệp tiêu thụ lớn, các siêu thị và các khách hàng nước ngoài đến tham gia ký kết tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới. Việc chủ động trong xúc tiến thương mại sẽ làm giảm nguy cơ bị động “giải cứu” trong thời gian qua.

Đối với xuất khẩu, cần đa dạng hóa thị trường, tránh tình trạng quá phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc như hiện nay. Chủ động xây dựng các kênh tiêu thụ chính ngạch sang thị trường Trung Quốc nhằm giảm thiểu rủi ro trong thương mại mậu biên. Bên cạnh đó, tăng cường đàm phán và xúc tiến thương mại sang thị trường các thị trường mới và tiềm năng, đặc biệt là Mỹ - một trong những thị trường lớn nhập khẩu trái cây chế biến của Việt Nam.

Thứ năm, thu hút đầu tư vào xây dựng các nhà máy chế biến, kho bảo quản lạnh cho các vùng sản xuất trái cây chuyên canh nhằm nâng cao tỷ lệ chế biến, đặc biệt là tiêu thụ các sản phẩm cấp thấp (loại dạt) thường có giá thấp hoặc bị loại bỏ. Bên cạnh chế biến các loại sản phẩm chính, như: nước ép, bột, hoặc các sản phẩm sấy, thì cũng nên khuyến khích doanh nghiệp chế biến các loại tinh dầu (cam, bưởi) nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Khai thác có hiệu quả lợi thế và điều kiện sinh thái mỗi vùng, mỗi địa phương đối với từng loại cây; quan tâm đến cây ăn quả đặc sản nổi tiếng có lợi thế cạnh tranh cao ở từng địa phương.

Thứ sáu, vận động nông dân tham gia các hình thức hợp tác liên kết hình thành “tổ chức sản xuất của nông dân” như: câu lạc bộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp cổ phần. Về phía doanh nghiệp, khuyến khích liên kết với “tổ chức sản xuất của nông dân” theo chuỗi giá trị cây ăn quả chủ lực trồng tập trung, từ sản xuất đến thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ; tạo điều kiện khuyến khích doanh nghiệp liên doanh, liên kết trực tiếp với các đối tác nước ngoài, đặc biệt là khâu bảo quản và tiêu thụ trái cây tươi...

Thứ bảy, xây dựng hệ thống thông tin quản lý vùng trồng trái cây. Ứng dụng công nghệ bản đồ GIS và công nghệ thông tin xây dựng hệ thống quản lý vùng nguyên liệu sẽ giúp phát hiện được những vùng sản xuất nằm ngoài quy hoạch để có biện pháp cảnh báo xử lý kịp thời. Đồng thời, hỗ trợ nhanh chóng việc xác định sản lượng toàn vùng ngay từ đầu vụ. Từ đó, các giải pháp về thu hoạch, tiêu thụ trái cây được chủ động thực hiện.

Bên cạnh đó, dựa trên hệ thống này, các giải pháp về truy xuất nguồn gốc và chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm được tiết kiệm và dễ dàng hơn. Trên cơ sở các thông tin về sản xuất và thu hoạch, hợp tác xã cũng sẽ chủ động được các kế hoạch về cung ứng vật tư (giống, phân bón, tưới tiêu...) và kế hoạch bán hàng. Từ đó, hợp tác xã xây dựng được phương án kinh doanh hợp lý, nâng cao năng lực quản lý, điều hành.

Ngoài ra, trên cơ sở hệ thống thông tin sản xuất, thu hoạch, phương án kinh doanh của hợp tác xã, kế hoạch thu mua nguyên liệu của doanh nghiệp được giám sát và quản lý. Nhờ vậy, các tổ chức tín dụng có thể giám sát được dòng tiền, sản phẩm lưu thông trong chuỗi để triển khai mô hình cho vay theo chuỗi. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017). *Báo cáo hiện trạng và giải pháp phát triển cây ăn quả*, Hội nghị Thúc đẩy phát triển sản xuất, xuất khẩu trái cây, Tiền Giang, ngày 06/12/2017
2. Tổng cục Hải quan (2008-2018). *Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và 12 tháng các năm 2007-2017*
3. Viện Nghiên cứu Thương mại - Bộ Công Thương (2004). *Giải pháp phát triển hệ thống phân phối liên kết dọc các nhóm hàng lương thực - thực phẩm*, Đề tài khoa học cấp bộ
4. Lê Thị Hồng Ngọc (2018). Phát triển chuỗi cung ứng ngành rau quả Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 14, tháng 05/2018
5. Nguyễn Hiền (2018). *Công nghệ chế biến - bệ phóng cho xuất khẩu rau quả Việt Nam*, truy cập từ <https://www.baohaiquan.vn/Pages/Cong-nghe-che-bien-be-phong-cho-xuat-khau-rau-qua-Viet-Nam.aspx>